

Số: **09** /2018/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **07** tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của
Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11
năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ
Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28
tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số
177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa
bàn tỉnh Hải Dương như sau:

1. Chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại các chợ Thanh Bình, Đông Ngô Quyền, Chợ Con, thành phố Hải Dương; Siêu thị chợ Cuối, huyện Gia Lộc: Phụ lục I.

b) Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã quyết định mức giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước còn lại trên địa bàn mình quản lý, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trên cơ sở đề xuất của cơ quan chuyên môn.

2. Chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Giá tối đa dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Phụ lục II.

3. Giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tính trên điện tích được cho thuê theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm các khoản chi phí khác do các hộ sử dụng riêng như: Trồng giữ phương tiện, điện, nước, thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt, phòng chống cháy nổ và các khoản dịch vụ khác.

4. Đối với các chợ đang thực hiện mức thu theo giá trúng đấu thầu, đấu giá hoặc đã ký hợp đồng thuê đang còn hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo mức cũ; đến khi hết thời gian thuê theo hợp đồng đã ký thì điều chỉnh sang hình thức giá dịch vụ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng nộp, đơn vị thu giá dịch vụ

1. Đối tượng nộp tiền dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ: Các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có cửa hàng, cửa hiệu, quầy hàng, kiốt ở chợ.

2. Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ:

a) Ban quản lý chợ, tổ quản lý chợ hoặc bộ phận quản lý chợ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập.

b) Tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

c) Hộ kinh doanh cá thể hoặc các cá nhân đã đầu tư xây dựng chợ khi chuyển sang kinh doanh, khai thác hạ tầng chợ, tổ chức thu tiền sử dụng điện tích bán hàng tại chợ phải chuyển sang mô hình doanh nghiệp hoặc Hợp tác xã kinh doanh, khai thác chợ.

Điều 3. Trách nhiệm của đơn vị thu

1. Các đơn vị cung ứng dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước căn cứ mức giá tối đa quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này để quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ cho phù hợp nhưng không vượt quá mức tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và gửi quyết định giá về Sở Tài chính, Sở Công Thương để tổng hợp, quản lý theo quy định.

2. Đơn vị cung ứng dịch vụ có trách nhiệm công khai mức thu với các hộ kinh doanh tại chợ làm cơ sở ký hợp đồng thuê diện tích bán hàng tại chợ; niêm yết công khai tại địa điểm thu về danh mục, mức thu và cơ quan quy định thu; khi thu phải cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp theo quy định.

3. Số tiền thu được là doanh thu của tổ chức cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; tổ chức thu có trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Các mức thu phí chợ quy định tại Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc bổ sung, điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về phương án thu phí chợ Thanh Bình, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương; Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu phí chợ tại Siêu thị Chợ Cuối, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trường Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Công nghệ TT (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VP, Thư (100 b) a

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

PHỤ LỤC I

Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ Thanh Bình, Đông Ngõ Quyền, Chợ Con, thành phố Hải Dương; Siêu thị chợ Cuối, huyện Gia Lộc
(Kèm theo Quyết định số **09** /2018/QĐ-UBND ngày **07** tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Tên chợ	Đơn vị tính	Mức giá
I	THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG		
1	Chợ Thanh Bình		
1.1	Cho thuê 5 năm; 2,5 năm nộp tiền một lần		
	Các ki ốt giáp đường Trương Mỹ kéo dài (47 ki ốt, từ số 65A đến 111A)	đồng/m ² /tháng	50.000
	Các ki ốt giáp đường bao quanh chợ còn lại (72 ki ốt, từ số 1A đến 64A và từ 112A đến 119A)	đồng/m ² /tháng	40.000
	Các ki ốt giáp đường trong chợ (55 ki ốt, từ số 1B đến 55B)	đồng/m ² /tháng	30.000
1.2	Cho thuê tháng; mỗi tháng nộp tiền 1 lần		
	Khu vực có mái che (khu C)	đồng/m ² /tháng	15.000
	Khu vực ngoài trời (khu D và khu E)	đồng/m ² /tháng	6.000
2	Chợ Đông Ngõ Quyền		
2.1	Cho thuê 5 năm nộp tiền 2 lần (2,5 năm nộp tiền một lần)		
	Vị trí 1: Gồm 12 kiốt loại 21m ² /kiốt, giáp đường Nguyễn Văn Linh (khu A, từ số 01 đến số 12)	đồng/m ² /tháng	77.000
2.2	Cho thuê theo tháng (mỗi tháng nộp tiền 1 lần)		
	Vị trí 2: Gồm 40 gian hàng loại 7m ² /gian có mái che (khu B, từ 01 đến 40)	đồng/m ² /tháng	39.000
	Vị trí 3: Gồm 20 gian hàng loại 5m ² /gian có mái che (khu C1, từ 01 đến 20)	đồng/m ² /tháng	36.000
	Vị trí 4: Gồm 5 gian hàng loại 9m ² /gian có mái che (khu C2, từ 21 đến 25)	đồng/m ² /tháng	20.000
	Vị trí 5: Gồm 17 gian hàng loại 6m ² /gian không có mái che (khu D, từ 01 đến 17)	đồng/m ² /tháng	8.000
4	Chợ Con		
	Vị trí 1: Gồm 07 ki ốt khu A phía ngoài (khu A1, từ số 01 đến số 07)	đồng/m ² /tháng	60.000

	Vị trí 2: Gồm 07 ki ốt khu A phía trong (khu A2, từ số 08 đến số 14)	đồng/m ² /tháng	55.000
	Vị trí 3: Gồm 48 gian hàng khu B phía ngoài (khu B1, từ số 01 đến số 48) và 10 gian hàng khu C phía ngoài (khu C1, từ số 01 đến số 10)	đồng/m ² /tháng	55.000
	Vị trí 4: Gồm 48 gian hàng khu B phía trong (khu B2, từ số 49 đến số 96) và 10 gian hàng khu C phía trong (khu C2, từ số 11 đến số 20)	đồng/m ² /tháng	50.000
	Vị trí 5: Gồm các vị trí tại khu D không có mái che	đồng/m ² /tháng	15.000
II	HUYỆN GIA LỘC		
1	Siêu thị Chợ Cuối		
1.1	Mức giá thuê 1 năm trả tiền 1 lần		
	Tầng 1		
	Loại ki ốt A1	đồng/m ² /1năm	280.000
	Loại ki ốt A2	đồng/m ² /1năm	245.000
	Loại ki ốt A3	đồng/m ² /1năm	210.000
	Tầng 2		
	Loại ki ốt B1	đồng/m ² /1năm	245.000
	Loại ki ốt B2	đồng/m ² /1năm	210.000
	Loại ki ốt B3	đồng/m ² /1năm	175.000
1.2	Mức giá thuê 3 năm trả tiền 1 lần		
	Tầng 1		
	Loại ki ốt A1	đồng/m ² /3năm	1.540.000
	Loại ki ốt A2	đồng/m ² /3năm	1.330.000
	Loại ki ốt A3	đồng/m ² /3năm	1.120.000
	Tầng 2		
	Loại ki ốt B1	đồng/m ² /3năm	1.050.000
	Loại ki ốt B2	đồng/m ² /3năm	840.000
	Loại ki ốt B3	đồng/m ² /3năm	700.000
1.3	Mức giá thuê 45 năm trả tiền 1 lần		
	Tầng 1		
	Loại ki ốt A1	đồng/m ² /45năm	5.880.000
	Loại ki ốt A2	đồng/m ² /45năm	5.512.000
	Loại ki ốt A3	đồng/m ² /45năm	4.987.000

	Tầng 2		
	Loại ki ốt B1	đồng/m ² /45năm	4.252.000
	Loại ki ốt B2	đồng/m ² /45năm	3.990.000
	Loại ki ốt B3	đồng/m ² /45năm	3.517.000

PHỤ LỤC II

Giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ
được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước
(Kèm theo Quyết định số 09 /2018/QĐ-BND ngày 07 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

I. CÁC ĐIỂM KINH DOANH CÓ ĐỊNH

TT	Tên chợ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Chợ Hải Tân, thành phố Hải Dương	đ/m ² /tháng	70.000
2	Chợ Đọ, xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang	đ/m ² /tháng	45.000
3	Chợ Phủ, xã Thái Học, huyện Bình Giang	đ/m ² /tháng	15.000
4	Chợ Thông, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện	đ/m ² /tháng	45.000
5	Chợ Neo, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	đ/m ² /tháng	15.000
6	Chợ Phúc Thành, xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn	đ/m ² /tháng	10.000
7	Trung tâm thương mại Hiệp Sơn, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn	đ/m ² /tháng	13.000

II. CÁC ĐIỂM KINH DOANH KHÔNG CÓ ĐỊNH

TT	Tên chợ	Đơn vị tính	Mức giá
1	Chợ đầu mối nông sản, xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc		
1.1	Giá dịch vụ áp dụng cho các loại xe vào chợ bán hàng từ 01 ngày đến 05 ngày	đồng/lượt	450.000
1.2	Giá dịch vụ áp dụng cho các loại xe vào chợ mua hàng	đồng/lượt	300.000
2	Các chợ còn lại được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước		
2.1	Khu vực có mái che	đồng/lượt	20.000
2.2	Khu vực không có mái che	đồng/lượt	10.000